

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~2477~~ /CT-CS
V/v tiền chậm nộp

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Thuế thành phố Cần Thơ

Cục Thuế nhận được Công văn số 338/CTH-CNTK ngày 20/1/2026 của Thuế thành phố Cần Thơ về tiền chậm nộp. Về vấn đề này, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Khoản 17 Điều 3 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

17. Tiền thuế nợ là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà người nộp thuế chưa nộp ngân sách nhà nước khi hết thời hạn nộp theo quy định.”

- Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 59 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định:

“Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế

1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm:

a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;

...

2. Mức tính tiền chậm nộp và thời gian tính tiền chậm nộp được quy định như sau:

a) Mức tính tiền chậm nộp bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp;

...

4. Trường hợp sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt thì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế, tiền phạt còn nợ và số ngày chậm nộp.”

- Điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế năm 2019 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 6 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản

công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2024) quy định:

“Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 59 như sau:

b) Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo hoặc quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế, tiền thu hồi hoàn thuế, tiền thuế tăng thêm, tiền thuế ấn định, tiền thuế chậm chuyển được nộp vào ngân sách nhà nước.”

- Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về quỹ phát triển đất, quy định:

+ Tại khoản 1 Điều 1 quy định:

“1. Bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:

“4. Tiền nộp bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 thuộc khoản thu khác theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 153 Luật Đất đai năm 2024.””

+ Tại điểm b khoản 18 Điều 1 quy định:

“18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 50 như sau:

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2...”

Khoản tiền người sử dụng đất phải nộp bổ sung đối với thời gian chưa tính tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 được tính bằng **mức thu 3,6%/năm tính trên số tiền sử dụng đất phải nộp** được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024”

+ Tại điểm a khoản 21 Điều 1 quy định:

“21. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung phần III Mẫu số 01a/TB-TSDĐ như sau:

a1) Sửa đổi, bổ sung mục 4 như sau:

“4. Tổng số tiền phải nộp:đồng; trong đó:

...

4.4. Khoản tiền phải nộp bổ sung khác (nếu có): đồng.”

+ Tại điểm b khoản 1 Điều 3 quy định:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc xử lý chuyển tiếp đối với các trường hợp đã có quyết định giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024, khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 7, khoản 9 Điều 51 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

b) Trường hợp cơ quan thuế đã tính và thông báo số tiền phải nộp bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 7, khoản 9 Điều 51 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành người sử dụng đất chưa nộp khoản thu bổ sung theo thông báo của cơ quan thuế thì thực hiện tính lại khoản tiền nộp bổ sung theo quy định tại Nghị định này và điều chỉnh Thông báo số tiền phải nộp bổ sung theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Người sử dụng đất phải nộp khoản tiền chậm nộp khoản thu bổ sung (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế."

Điều b khoản 3 Điều 21 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế quy định về điều chỉnh giảm tiền chậm nộp, quy định:

"Điều 21. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế

3. Điều chỉnh giảm tiền chậm nộp

b) Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền qua thanh tra, kiểm tra phát hiện số tiền thuế phải nộp giảm hoặc cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định, thông báo giảm số tiền thuế phải nộp thì cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh giảm số tiền chậm nộp đã tính tương ứng với số tiền thuế chênh lệch giảm và thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 03/TTN ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này."

Đề nghị Thuế thành phố Cần Thơ căn cứ pháp luật về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, pháp luật về quản lý thuế và hồ sơ cụ thể để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Cục Thuế có ý kiến đề Thuế thành phố Cần Thơ được biết ./ *LS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Cục QLCS; Vụ PC (BTC);
- Ban PC, Ban NVT (Cục Thuế);
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, CS (2b). *LS*

TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG BAN CHÍNH SÁCH, THUẾ QUỐC TẾ
PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Thị Minh Hiền